

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+TD5	7:25	11+11	0+0		8+14	0+0	
2		P7+P8+P5	7:25	12+0+10	0+0+0		8+0+10	0+0+0	TRANS 2 PAX P8-P5
3		P2	7:25	22	0		22	0	
4		TD3	7:25	22	0		22	0	
5		P1+TD5	9:25	20+2	0+0		8+14	0+0	
6		P4+TTC2	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	
7		AMD+TGTH5	9:25	20+2	0+0		20+2	0+0	
8		BK6+BK5+P3	9:25	8+4+10	0+0+0		4+8+10	0+0+0	
9		JS2+P1	11:25	5+17	0+0		0+20	0+0	
10		P2+BK10-AMD	11:25	11+0+11	0+0		8+1+13	0+0	
11		P5+P7	11:25	10+12	0+0		7+14	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : /ĐI VỀ TRONG NGÀY P2-4NG, P7-5NG

# FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/11/2017	TO: P4 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Toan - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MARZIEV	P4	89	1	10		80	KH-THAC	Russian
2	VLASOV	P4					90	KH-THAC	Russian
3	ĐO HUU NAM	P4	90	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN SI TUAN	P4					72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	85	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ LUAN	P4	92	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐAO MINH TUAN	P4	87	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KIM SƠN	P4	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	600	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUONG	P4	91	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM VAN PHUC	P4	86	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH LAM	TD5	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VIEN	TD5	88	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN BACH TUNG	TD5	84	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MINH CHANH	TD5	93	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
16	TU DUONG DUNG	TD5	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG NGOC DANH	TD5	86	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN CAO HOANG	TD5	89-90	2	8		75	KHOAN	Vietnamese
19	VU MANH HUNG	TD5	91-92	2	12		60	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN THUY	TD5	82	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	83	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU HOAN	TD5	94	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

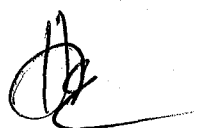
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	11	9	52	780	0	8		
2	TD5	11	13	71	782	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>123</b>	<b>1.562</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.562</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.685 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P7 - P8 - P5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HỒI - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	P7	27	1	3	20	70	D-HANH	Vietnamese
2	CHU MINH HÙNG	P7	31	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
3	KYREEV	P7	21	1	5		85	D-HANH	Russian
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P7	29	1	6		71	D-HANH	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN MẠNH	P7	28	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
6	ĐẶNG VĂN NHÀ	P7	38-39	2	10	60	64	D-HANH	Vietnamese
7	THÂN VĂN NAM	P7	36-37	2	12		68	D-HANH	Vietnamese
8	ĐÀO TUẤN CHỮ	P7	25	1	4		68	PSV	Vietnamese
9	LÊ HỮU LONG	P7	26	1	4		55	PSV	Vietnamese
10	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	30	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH HOÀI NAM	P7	22	1	10	15	83	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN SƠN	P7	23	1	5	15	61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	42	1	6	35	65	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	100	1	5		71	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN LÝ HƯƠNG	P5	99	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	45	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔNG XUÂN SINH	P5	96	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	98	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TINH	P5	44	1	6		69	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	46	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	97	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN CAO MẠNH	P5	43	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	14	70	847	110	8		
2	P8	0	0	0	0	0	0		CHUYỂN 2 PAX TỪ P8 SANG P5
3	P5	10	10	51	697	35	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>121</b>	<b>1.544</b>	<b>145</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>121</b>	<b>1.544</b>	<b>145</b>			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vãn - TRƯỜNG - DKHÁNH	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐÀI	P2	695	1	4		72	D-HANH	Vietnamese
2	LÊ CÔNG THUY	P2	88	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG QUAN	P2	87	1	3	40	70	D-HANH	Vietnamese
4	HOANG VAN TAM	P2					83	D-HANH	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC VAN	P2	86	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	P2	89	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	600	1	7		46	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	96	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG QUỐC BAO	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HUNG	P2	98	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT DUNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MẠNH THĂNG	P2	92-93	2	6		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HOANG GIANG	P2	94	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THIÊN	P2	694	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	95	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH VU	P2	85	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUNG	P2	90	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ HUY QUYNH	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG HAI	P2	99	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐOÀN MINH XANH	P2	91	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	HA CHIẾN THĂNG	P2	97	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	18	95	1.449	40	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>18</b>	<b>95</b>	<b>1.449</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>95</b>	<b>1.449</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - NNam	ETA: 09:30
TRANG-1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAO NGUYEN DU MAC	TD3	500	1	10		58	KHOAN	Vietnamese
2	LE VAN TUAN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM THANH DUNG	TD3	90	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM VAN BIEN	TD3	93-94	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH QUY	TD3	81	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN MINH	TD3	92	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET HUNG	TD3	79	1	3	50	60	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN CONG AN	TD3	82	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN CONG MINH	TD3	80	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN CANH THAC	TD3	83	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN HUU NHAN	TD3	91	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG VIET	TD3	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN NGOC TUAN	TD3	84	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN SON HAI	TD3	86	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN QUANG HUNG	TD3	89	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
16	THAI HAI HA	TD3	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VAN MAY	TD3	793	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VIET CUONG	TD3	98	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI THE DUONG	TD3	97	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
20	VUONG QUOC VIET	TD3	95	1	5		60	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG LONG	TD3	87-88	2	14		65	DVL	Vietnamese
22	LE VAN THINH	TD3	96	1	6		62	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	23	139	1.428	50	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>139</b>	<b>1.428</b>	<b>50</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>139</b>	<b>1.428</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P1 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Toan - Luy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THÀNH HUNG	P1	97-99	3	10		75	YTE	Vietnamese
2	TSOPANOV A.V	P1	87	1	7		92	KH-THAC	Russian
3	NINH QUOC HOI	P1	684	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
4	KYSELEV	P1	85	1	8		93	KH-THAC	Russian
5	MAKAROV O.V	P1	795-96	2	17		102	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN ĐỨC THĂNG	P1	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LONG BIEN	P1	91	1	5	100	75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HOANG NHAN	P1	90	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG CONG LY	P1	186	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HAI	P1	798-799	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DUY HUNG	P1	388-389	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THE VINH	P1	89	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM BA NGAN	P1	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN CHUÔNG	P1	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM ANH SƠN	P1	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ KIẾN TRUNG	P1	797	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	P1	200	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	187	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN GIA CHUNG	P1	88	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ NAM CƯƠNG	P1	94	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO QUANG HUNG	TD5	13	1	9	32	90	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	20	25	134	1.493	100	8		
2	TD5	1	1	9	90	32	14		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>26</b>	<b>143</b>	<b>1.583</b>	<b>132</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>143</b>	<b>1.583</b>	<b>132</b>			

GRAND TOAL: 1.858 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P4 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HỒI - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN CHIẾN	P4	79	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THANH SƠN	P4	06	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM XUÂN HAI	P4	78	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	P4	77	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	P4	76	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC MINH	P4	93	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					64	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CÔNG AN	P4	96	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG KHÁC DU	P4	04	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THÀNH	P4					67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	42	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUNG BAY	P4	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ TUNG	P4	41	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH HOÀI ĐỨC	P4	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ BA HOÀ	P4	94	1	20		77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC ANH	P4	75	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	HỒ DIỄN BAO	P4	02-03	2	14		64	KHI	Vietnamese
18	LÊ MINH TIẾN	P4	05	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	PHAN HỒNG TÂM	P4	04	1	5		58	KHI	Vietnamese
20	PANKRATOV	P4	99	1	11		105	ANTOAN	Russian
21	NGUYỄN HỮU THẮNG	P4	80-81	2	12		57	NHATHAU	Vietnamese
22	MAI THANH TỬ	P4	97-98	2	5		66	NHATHAU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	137	1.512	0	20		
2	TTC2	0	0	0	0	35	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>137</b>	<b>1.512</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.512</b>	<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Nov-17	TO: AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - DKHÁNH	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VU THANG	AMD	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	64	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THE HIEN	AMD	72-73	2	6		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐÌNH KHÁNH	AMD	74	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH BÌNH	AMD	58	1	5	40	82	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG THANH	AMD	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯỜNG THE KHAI	AMD	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH HOANG	AMD	67	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN BA QUAN	AMD	70-71	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH DANH	AMD	68	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TÍNH	AMD	66	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VIỆT PHƯƠNG	AMD	60	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	AMD	75	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ BA THANH	AMD	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH TUẤN	AMD	98	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG VIỆT	AMD	62	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIẾN	AMD	96	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRỌNG TUẤN	AMD	63	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	97	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HÀ VĂN THUY	AMD	65	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VINH QUANG	TGTH5	73-74	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VI TRẦN TẤN THUẬN	TGTH5	75-76	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	20	22	142	1.371	40	20		
2	TGTH5	2	4	23	130	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>165</b>	<b>1.501</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>165</b>	<b>1.501</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: BK6 - BK5 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - <i>MThao</i> - NNam	ETA: 11:30
<i>TRANG 2</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀ NGỌC THANH	BK6	32	1	14		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TAM	BK6	31	1	15	80	81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG HIEU	BK6	29-30	2	16		78	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	BK6	28	1	8	35	64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CỤ	BK6	26	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HAI	BK6	27	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HỮU	BK6	35	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG HUU THU	BK6	34	1	8		72	PSV	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TẬP	BK5	99	1	6	7	67	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN VĂN TRINH	BK5	76	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MẠNH CƯỜNG	BK5	97	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	98	1	10		57	PSV	Vietnamese
13	VŨ DUY KHUÔNG	P3	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN THANH	P3	45-46	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
15	LAM TUAN KHAI	P3	56	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TUAN DAT	P3	50	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ KHAI DAT	P3	52-53	2	16		93	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN DUY KHÁNH	P3	55	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN TRUONG	P3	47	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	CHAU DINH TU	P3	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN CÔNG THANH	P3	49	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VĂN QUYÊN	P3	51	1	5		52	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	8	9	79	574	115	4		
2	BK5	4	4	25	256	37	8		
3	P3	10	12	65	677	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>169</b>	<b>1.507</b>	<b>152</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>169</b>	<b>1.507</b>	<b>152</b>			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Nov-17	TO: JS2 - P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LBình - MTuấn - Trường -	ETA: 13:10
XANH-3		Luy	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	03	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TU ĐỘ	JS2	04	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	DEMIN YURI	JS2	01	1	10	5	85	KHOAN	Russian
4	LÊ QUANG CƯỜNG	JS2	02	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ HỒNG HAI	P1	95	1	15		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯỜNG ĐÌNH KHUÊ	P1	99	1	7	60	65	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	397	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔ QUANG ANH	P1	396	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THẮNG	P1	394	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THÁI BÌNH	P1	398	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P1	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HỒNG LINH	P1	86	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN TÍNH	P1	393	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
14	ĐẶNG SỰ	P1	391-392	2	16		74	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P1	90	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN THANH	P1	92	1	6		82	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THẮNG	P1	98	1	8		68	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN DUY HIỆU	P1	94	1	4		64	PSV	Vietnamese
19	BUI QUANG PHƯƠNG	P1	93	1	6		108	PSV	Vietnamese
20	TRẦN CAO LONG	P1	90	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P1	91	1	5		60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	4	43	293	5	0		
2	P1	17	18	115	1.165	60	22		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>158</b>	<b>1.458</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>158</b>	<b>1.458</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P2 - BK10 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hôi - TTrung - PTUÁN	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN PHONG	P2	78	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CHÈ LINH	P2	81	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH HIEN	P2	79	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TAN QUAN	P2	74	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG KHÔI	P2	70	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN SON	P2	72-73	2	18		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG LƯU	P2	75	1	12	17	68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG NINH	P2					68	KHI	Vietnamese
9	DUONG TRUONG LAM	P2	69	1	4		68	KHI	Vietnamese
10	PHAM HONG VAN	P2	71	1	4		67	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN SAM	P2	80	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC CHINH	P2	82	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	900	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH TRƯƠNG PHI	AMD	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VIỆT CƯỜNG	AMD	90-92	3	16		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HỮU HÀ	AMD	81	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HAI DUONG	AMD	82	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH NGŨ	AMD	86	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
19	LUƠNG MINH PHỤNG.	AMD	87-88	2	10	17	58	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG DINH HAI	AMD	84-85	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TRAI	AMD	79	1	12	15	62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LUONG	AMD	83	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	12	76	820	17	8		
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	AMD	10	14	104	685	32	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>180</b>	<b>1.505</b>	<b>49</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>180</b>	<b>1.505</b>	<b>49</b>			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2017	TO: P5 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vậ - KHẢI - DKHÁNH	ETA: 13:20
vang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P5	82	1	6	17	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	85	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN VINH	P5	89	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
4	SAGIROV A.S	P5	90	1	9		71	KH-THAC	Russian
5	VŨ ĐỨC DŨNG	P5	87	1	10		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH THĂNG	P5	84	1	7	60	58	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM DUY CHUNG	P5	88	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TOÀN	P5	86	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	MAI VĂN TOÀN	P5	81	1	9		62	PSV	Vietnamese
10	HÀ VĂN NIỆM	P5	91	1	3		67	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BẮC	P7	46	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC TUẤN	P7	50	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC SƠN	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHƯỢNG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P7	47	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÂM ĐĂNG GIANG	P7					76	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ NGỌC THAI SƠN	P7	56-57	2	11		64	CODIEN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC HẬU	P7	55	1	10	32	50	CODIEN	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN DŨNG	P7	54	1	6		68	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH DANH	P7	48	1	8	30	55	CODIEN	Vietnamese
21	BUI VĂN MINH	P7	64	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
22	ĐỖ LÝ KHÁNH	P7	49	1	5		81	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	10	10	76	681	77	7		
2	P7	12	10	61	814	62	14		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>137</b>	<b>1.495</b>	<b>139</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.495</b>	<b>139</b>			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/11/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	PPD+BK16+JS2	7:25	22+0+0	0+0+0		16+1+5	0+0+0	TRAN 4 PAX BK16-JS2
2	420	VSP02+PVD2	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
3	426	RP3+TD5+TD2	7:25	19+3+0	0+0+0		17+0+4	0+0+0	
4	406	PPD+TD1+TD3	9:25	15+0+7	0+0+0		10+0+8	0+0+0	TRAN 3 PAX TD1-TD3
5	420	PVD2+P4+P9	9:25	6+16+0	0+0+0		3+15+0	0+0+0	TRAN 4 PAX P4 P9
6	426	RP2+CTK3+P6	9:25	19+0+3	0+0+0		14+1+7	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : 1/3 DVL ĐI TDS QUA TD3



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2017	TO: PPD - BK16 - JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐTuấn - Luy - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	PPD				70	76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÂM QUANG NAM	PPD	13	1	5	22	78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	17-18	2	8		73	KHI	Vietnamese
4	BUI THANH HAI	PPD	16	1	2		61	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TAI	PPD	10	1	5		72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	07	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	ĐANG HỒNG QUÂN	PPD	02	1	5		76	KHI	Vietnamese
8	VÔ QUANG ĐẠT	PPD	06	1	6		66	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	12	1	2		66	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD					65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	11	1	5		61	KHI	Vietnamese
12	LÊ HỒNG PHONG	PPD	04	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	BUI NGỌC HUONG	PPD	09	1	6		65	KHI	Vietnamese
14	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	08	1	5		64	KHI	Vietnamese
15	TRƯỜNG HAI HA	PPD	15	1	4		69	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ANH	PPD	14	1	4		72	KHI	Vietnamese
17	BUI ĐỨC TRUYỀN	PPD	03	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN SỸ	PPD	05	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TOÀN	PPD	21	1	7		59	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐẠO AN TUẤN	PPD	01	1	5		54	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD	19	1	5		57	TRƯỜNG V	Vietnamese
22	VU VĂN SƠN	PPD	20	1	6		57	TRƯỜNG V	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	PPD	22	21	113	1.486	92	16	
2	BK16	0	0	0	0	10	14	CHUYEN 04 PAX TU BK16 SANG JS2
3	JS2	0	0	0	0	0	5	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>113</b>	<b>1.486</b>	<b>102</b>	<b>22</b>	
<b>WEIGHT KG</b>				<b>113</b>	<b>1.486</b>	<b>102</b>		

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Nov-17	TO: VSP02 - PVD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HỒI - KHÁI - NNA	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TIỀN LỬ	VSP02	07	1	5		67	NIPI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU NHAN	VSP02	05	1	5	30	70	NIPI	Vietnamese
3	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	PVD2	77	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH NAM	PVD2	79	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG NGOC QUAN	PVD2	75-76	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
6	TRUONG THANH TUAN	PVD2	78	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
7	LE TIEN DUONG	PVD2	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THE VINH	PVD2	80	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	LE VIET THUC	PVD2	83	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LE HUU DUNG	PVD2	86	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG XUAN CANH	PVD2	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ QUANG	PVD2	88	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC SANG	PVD2	87	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HÙNG	PVD2	82	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
16	MAI THANH NAM	PVD2	84	1	10	34	71	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ MẠNH NAM	PVD2	72	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM HỒNG QUÝ	PVD2	90	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN CƯỜNG	PVD2	93-94	2	16		71	KHOAN	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN CHUNG	PVD2	91-92	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH THAO	PVD2	89	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
22	MAI THANH CHIẾN	PVD2	81	1	4		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	2	2	10	137	30	0		
2	PVD2	20	23	184	1.439	34	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>194</b>	<b>1.576</b>	<b>64</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>194</b>	<b>1.576</b>	<b>64</b>			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2017	TO: RP3 - TD5 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUONG - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAI VAN MINH	RP3	43	1	5		60	VIETGAS	Vietnamese
2	TA PHI KHANH	RP3	44	1	5		75	VIETGAS	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG NAM	RP3	41	1	5		82	KHI	Vietnamese
4	VU MANH CUONG	RP3	31,55	2	5	50	63	KHI	Vietnamese
5	BUI VAN PHU	RP3	34	1	4		73	KHI	Vietnamese
6	KPYLOV D.A	RP3	40	1	10		103	KHI	Russian
7	PALYSEV V.A	RP3	38	1	8		87	KHI	Russian
8	LE HOANG ANH	RP3	42	1	5		67	KHI	Vietnamese
9	LE XUAN HIEN	RP3	36	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HA	RP3	33	1	5		80	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TOAN	RP3	32	1	3		85	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HAI SANG	RP3	35	1	4		58	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN BINH	RP3	37	1	3		65	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET KY	RP3	39	1	5		68	KHI	Vietnamese
15	KOROTKOV	RP3	50-51	2	15		100	ANTOAN	Russian
16	PHAM DUY TUNG	RP3	49	1	12		65	BA SON	Vietnamese
17	HOANG PHI LONG	RP3	45	1	14		60	BA SON	Vietnamese
18	NGUYEN UNG THANH NGOC	RP3	48	1	8		67	BA SON	Vietnamese
19	PHAN DUNG TIEN	RP3	47	1	5		65	BA SON	Vietnamese
20	TRAN XUAN DIEU	RP3	46	1	10		55	BA SON	Vietnamese
21	TA MINH UY	TD5	400	1	12		60	DVL	Vietnamese
22	UDACHIN D.V	TD5	97	1	10	62	75	DVL	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	22	136	1.448	50	18		
2	TD5	2	2	22	135	62	0		
3	TD2	0	0	0	0	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>158</b>	<b>1.583</b>	<b>112</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>158</b>	<b>1.583</b>	<b>112</b>			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2017	TO: PPD - TD1 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - ĐTuấn - Luy - Toan	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LINH	PPD	28-29	2	15	15	70	TRUONG V	Vietnamese
2	NGUYEN VAN MAC TEN	PPD	30	1	7		66	TRUONG V	Vietnamese
3	NGUYEN VAN NUOI	PPD	36	1	6		48	TRUONG V	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HAI	PPD	31	1	5		75	TRUONG V	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THONG	PPD	34	1	12		59	TRUONG V	Vietnamese
6	VI ĐUC TU	PPD	35	1	5		62	TRUONG V	Vietnamese
7	HO VAN PHAP	PPD	33	1	8		66	TRUONG V	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ĐAU	PPD	32	1	6		61	TRUONG V	Vietnamese
9	HA THE BAO	PPD	41	1	8	21	75	KHI	Vietnamese
10	ĐINH NGOC QUY	PPD	27	1	10		70	KHI	Vietnamese
11	ĐAO ANH TUAN	PPD	48	1	3		63	KHI	Vietnamese
12	LE HUY VINH	PPD	42	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	PHAM MINH VU	PPD	39-40	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN SANG	PPD	37-38	2	12	22	75	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG ANH TU	PPD	49-50	2	13		75	NIPI	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HOAN	TD3	96-97	2	17		79	VSP.DVL	Vietnamese
17	LE THANH TU	TD3	698	1	5		70	VSP-DVL	Vietnamese
18	TRAN VIET HO	TD3					70	DVL	Vietnamese
19	ĐO XUAN LINH	TD3	699	1	5		79	CODIEN	Vietnamese
20	TANG TIEN TOAN	TD3					84	DVL	Vietnamese
21	LE PHU PHUC	TD3	99	1	7		85	DVL	Vietnamese
22	LE VAN THANG	TD3	98	1	15		68	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	19	133	1.006	58	10		CHUYEN 03 PAX TU TD1 SANG TD3
2	TD1	0	0	0	0	0	13		
3	TD3	7	6	49	535	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>182</b>	<b>1.541</b>	<b>58</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>182</b>	<b>1.541</b>	<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2017	TO: PVD2 - P4 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hôi - KHÁI - N Nam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO XUAN HAI	PVD2	01	1	5		70	NIPI	Vietnamese
2	BOIKO D.G	PVD2	02	1	12		110	KH-THAC	Russian
3	PHAM VAN KY	PVD2	07	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	05	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VU ANH TUAN	PVD2	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG THE MINH	PVD2	06	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH CUONG	PVD2	03	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
8	I AKIMENKO V.A	P4	13-14	2	12		110	KHI	Russian
9	OKOVANSEN G.Q	P4	15	1	5		112	KHI	Russian
10	NGUYEN THANH TRUNG	P4	18	1	4		67	KHI	Vietnamese
11	BUI THANH AN	P4	11-12	2	10	60	62	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HẠNH	P4	16	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	LE VAN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	19	1	5		52	KHI	Vietnamese
15	NGÔ VĂN HÀ	P4					67	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG KIỂM	P4	09	1	6		80	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỮU THO	P4	26	1	5		60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THAI	P4	17	1	4		62	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN CHIEN CONG	P4	20	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN THANH GIAP	P4	10	1	5		71	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ANH	P4	21	1	5		63	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN MINH	P4	07-08	2	15		82	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	7	7	68	552	0	3		
2	P4	15	16	86	1.088	60	15 + 4		CHUYEN 04 PAX TU P4 SANG P9
3	P9	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	154	1.640	60	18		
WEIGHT KG				154	1.640	60			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/11/2017	TO: RP2 - CTK3 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LBinh - TRUONG - THU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LONG	RP2	93	1	16		55	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG TUYEN	RP2	700	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN QUY DUNG	RP2	97-98	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG NGOC CUONG	RP2	699	1	15		78	XAYLAP	Vietnamese
5	PHUNG QUANG ĐAI	RP2	91-92	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG XUAN KIEN	RP2	695	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN SY LUC	RP2	696-697	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MINH HUNG	RP2	095	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
9	PHUNG THE TAI	RP2	099	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN VAN HIEP	RP2	95-96	2	25		82	XAYLAP	Vietnamese
11	LUU ĐỨC THỊNH	RP2	291	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP2	098	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THUY	RP2	292	1	8	55	65	XAYLAP	Vietnamese
14	VUONG HUY HOAN	RP2	693-694	2	15		63	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC MINH	RP2	096	1	12		84	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THUYET	RP2	094	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH HUNG	RP2	698	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN ANH HIEP	RP2	99,400	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VIỆT HỮU	RP2	097	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
20	NIKITIN D.I	P6	79	1	10		88	KH-THAC	Russian
21	NGUYEN DUY BAI	P6	82	1	10	13	80	CODIEN	Vietnamese
22	ĐOÀN XUAN CUONG	P6	80	1	10		72	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	19	25	259	1.284	55	14		
2	CTK3	0	0	0	0	0	1		
3	P6	3	3	30	240	13	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>289</b>	<b>1.524</b>	<b>68</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>289</b>	<b>1.524</b>	<b>68</b>			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1	406	P9+MRM	7:25	14+8	0+0		13+9	0+0	
2	410	P10+BK3	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
3	420	P2+BK5+CTK3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
4	426	MRM+BK4	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
5	406	BK15+P10+P2	9:25	5+11+6	0+0+0		5+5+10	0+0+0	
6	410	P5+BK10+BK6	9:25	13+7+1	0+0+0		1+12+0	0+0+0	
7	420	RP2+P9	9:25	9+13	0+0		0+18	0+0	
8	426	P11+P10	9:25	15+7	0+0		11+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : 1/5NG CLO VỀ BỜ QUA BK3



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: P9 - MRM	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYỀN - DKHÁNH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THU	P9	67	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
2	NG. THANH TUNG	P9	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG DŨNG	P9	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HAI	P9	86	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGỌC LONG	P9	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TAM THUY	P9	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO VIỆT HAI	P9	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LE LANG TU	P9	84	1	5	75	64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀU THE HAI	P9	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	71	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN VƯỢNG	P9	66	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH THÈ NHẬN	P9	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM KHÁC SOÁT	P9	68	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	SIDORENKO B	MRM	44-45	2	17		120	KHOAN	Russian
16	KOBZEV MIKHAIL	MRM	43	1	5		82	KHOAN	Russian
17	GAREEV TIMUR	MRM	41	1	15		100	KHOAN	Russian
18	MİROPOLTSEV ANATOLII	MRM	38	1	5		100	KHOAN	Russian
19	ZGONIK VADIM	MRM	39	1	12		98	KHOAN	Russian
20	GRITCENKO VLADIMIR	MRM	40	1	5		74	KHOAN	Russian
21	NAUMOV SERGEY	MRM	46-47	2	10		80	KHOAN	Russian
22	KONDRATIUK KIRILL	MRM	42	1	5		65	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	14	14	66	925	75	13		
2	MRM	8	10	74	719	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>140</b>	<b>1.644</b>	<b>75</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>140</b>	<b>1.644</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15-Nov-17	TO: P10 - BK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Vận - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EVSEEV O.V.	P10	78	1	10	20	100	KH-THAC	Russian
2	BADIKOV M.F	P10	83	1	5		67	KH-THAC	Russian
3	NEDVEDEVSK	P10	77	1	7		99	KH-THAC	Russian
4	TRẦN KIM NGỌC	P10	73	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUỐC KHÁNH	P10	74	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THẾ HUNG	P10					79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH KHOA	P10	79	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG SY NGUYEN	P10	80	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HUƠNG	P10	81	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU TRI	P10	76	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HUNG THANH	P10	80	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	75	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN CƯƠNG	BK3	10-11	2	6	40	85	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CÔNG VINH	BK3	08	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	98-99	2	16		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK3	12	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK3	03	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO VĂN HỘI	BK3	09	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG QUANG TẾ	BK3	07	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	04	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	BK3	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN ĐỨC MÃN	BK3	06	1	3		60	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	12	11	77	895	20	11		
2	BK3	10	12	70	686	40	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>147</b>	<b>1.581</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>147</b>	<b>1.581</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: P2 - BK5 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Huy - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GARYFULIN	P2	91-92	2	18		84	KH-THAC	Russian
2	MAI MANH KHANH CUONG	P2	93	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PARSHIN	P2	98	1	12		87	KH-THAC	Russian
4	NGUYEN VAN ĐANG	P2					77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐUC	P2	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ CÔNG ANH	P2	500	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ HỮU NGUYEN	P2	89	1	5	35	66	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ VĂN VIỆT	P2	33-34	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ NGHĨA TÀI	P2	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CHÍ HẠO	P2	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO TIÊN SƠN	P2	698	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	83	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH UT	P2	94	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG THẾ VINH	P2	699	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ KHƯƠNG	P2	85-86	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	THÁI HOANG TÂM	P2	96	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VĂN ĐÔNG	P2	97	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG MINH QUAN	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUYẾT CHIEN	P2	95	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	88	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM LÊ DUƠNG	P2	87	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	22	135	1.545	35	13		
2	BK5	0	0	0	0	35	4		
3	CTK3	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>135</b>	<b>1.545</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.545</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: MRM - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THUY	MRM	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	POGIEV VADIM	MRM	70-71	2	15		90	KHOAN	Russian
3	KICHEV ALEXEY	MRM	79	1	6		68	KHOAN	Russian
4	PETEL SERGEY	MRM	74	1	7		91	KHOAN	Russian
5	VORONIN MIKHAIL	MRM	75-76	2	10		84	KHOAN	Russian
6	KOTOV ALEKSEI	MRM	73	1	10		100	KHOAN	Russian
7	POPOV	MRM	77	1	7		138	KHOAN	Russian
8	VSHIVKOV ALEKSEI	MRM	82	1	10		86	KHOAN	Russian
9	KUCHERENKO TATIANA	MRM	80-81	2	20		54	KHOAN	Russian
10	KIRYANOV VICTOR	MRM	78	1	15		124	KHOAN	Russian
11	TRẦN LÂM THỌ	MRM					60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SY TUAN	MRM	90	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VINH KHA	MRM	89	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẠO VĂN YẾN	MRM	88	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
15	LÀ MINH TU	MRM	87	1	12		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH BỬ	MRM	72	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
17	ÔNG VĂN NĂM	MRM	83	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC QUYNH	MRM	84-85	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
19	YAKHIN	BK4	29	1	11		85	KH-THAC	Russian
20	TÔNG TRUNG HUY	BK4	33	1	4	40	75	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU ĐỨC TUẤN	BK4	30	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	31-32	2	10		67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	18	21	187	1.419	0	16		
2	BK4	4	5	29	307	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>216</b>	<b>1.726</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>216</b>	<b>1.726</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.982 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: BK15 - P10 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - TUYẾN - DKHÁNH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PODUIMOV.D.N	BK15	26	1	7		90	KH-THAC	Russian
2	PHAN QUANG HOANG	BK15	28	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG KHA	BK15	29	1	7	30	75	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU TIEN THANH	BK15	30	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	27	1	12		75	PSV	Vietnamese
6	TRAN TAM NHAN	P10	22	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN KHANH TOAN	P10	48	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
8	LUYEN VAN THIEU	P10	47	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC PHI	P10	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUOC TIEN	P10	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU LONG	P10	66,41	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	P10	49	1	5		93	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN TRONG MANH	P10	45	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN THANG	P10	46	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
15	DO DINH VAN	P10	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH CONG VAN	P10	24-25	2	9		76	KH-THAC	Vietnamese
17	LE VAN NAM	P2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG SON	P2	84-85	2	12		54	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN TUNG DUONG	P2	86	1	5		65	ANTOAN	Vietnamese
20	PHAM VAN DONG	P2	82	1	5		57	NIPI	Vietnamese
21	PHAM VAN DUC	P2	81	1	5		75	T-TIN	Vietnamese
22	HO DINH LOC	P2	83	1	7		75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	5	5	43	377	30	5		
2	P10	11	13	66	785	0	5		
3	P2	6	7	39	396	0	9		
TOTAL		22	25	148	1.558	30	19		
WEIGHT KG				148	1.558	30			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: P5 - BK10 - BK6	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - VẠN - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI UY HUNG	P5	40	1	10	20	70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THE HUNG	P5	30	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
3	HA ANH CONG	P5	42-43	2	16		54	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	P5	31-32	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI NGOC THAO	P5	38-39	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐAO MINH TIEN	P5	97	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN VAN CHIEN	P5	35	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI ANH TUAN	P5	95-96	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN KHANH	P5	36-37	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN BA THANH	P5	41	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
11	CAO TRỌNG TÂM	P5	29	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC CƯỜNG	P5	33-34	2	20		67	PSV	Vietnamese
13	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P5	28	1	4		56	PSV	Vietnamese
14	SHENSHYI	BK10	12	1	6	18	105	KH-THAC	Russian
15	TRAN CONG HOAN	BK10	14	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN CHAU NAM	BK10	15	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK10	17	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN NGOC SON	BK10	18	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN KHUONG	BK10	13	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	16	1	5		61	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUY	BK6	24	1	9		81	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	13	19	160	843	20	1		
2	BK10	7	7	43	505	18	12		
3	BK6	1	1	9	81	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>27</b>	<b>212</b>	<b>1.429</b>	<b>38</b>	<b>13</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>212</b>	<b>1.429</b>	<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: RP2 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LBinh - Linh - Huy - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG TRINH ANH	RP2	63	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN VIET HUNG	RP2	93-94	2	21		77	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN CAO TRI	RP2	97-98	2	11		79	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN TRA	RP2	61	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG NHAT	RP2	99,300	2	17		52	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN HUNG	RP2	95-96	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH VAN BAU	RP2	60	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN MANH	RP2	41-43	3	22		60	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI SON HAI	RP2	62	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
10	VU DANG HOANG	P9	81	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	LE QUOC DONG	P9	86	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HIEU	P9	75	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN ANH	P9	85	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC DO	P9	84	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DA KHA	P9	83	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
16	HUA SAY	P9	80	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANH	P9	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN TUE	P9	87	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOO DUC HIEN	P9	78-79	2	11		53	YTE	Vietnamese
20	NGUYEN THANH SON	P9	74	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	PHAM HUY DAU	P9	76	1	4		64	PSV	Vietnamese
22	LE VAN DUNG	P9	77	1	4		58	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	15	134	623	0	0		
2	P9	13	14	64	882	0	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>29</b>	<b>198</b>	<b>1.505</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>198</b>	<b>1.505</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/11/2017	TO: P11 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NGỌC LUÂN	P11	85	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LUÂN	P11	94	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN ĐÔNG HÙNG	P11	92	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
4	CAO MINH HOANG	P11	93	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MẠNH CƯỜNG	P11				65	66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG NHẬT MINH	P11	88-89	2	15	10	77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CÔNG HOANG	P11	98	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI CÔNG LAN	P11	90	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CỎ	P11	48	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VĂN TUẤN	P11					55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ MẠNH HÙNG	P11	86-87	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SINH	P11	82	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P11	95	1	9		77	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỀN	P11	86	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	ĐÀO MINH ĐỨC	P11	91	1	7		65	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
17	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	87	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH BA NINH	P10	85	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN HÙNG MÊN	P10	86	1	5		64	YTE	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU NHÂN	P10	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU BÌNH	P10	84	1	6		52	PSV	Vietnamese
22	ĐINH VĂN CHUYỀN	P10	83	1	7		67	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	15	15	115	1.021	75	11		
2	P10	7	6	32	473	0	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>147</b>	<b>1.494</b>	<b>75</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>147</b>	<b>1.494</b>	<b>75</b>			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

